

UBND THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG TIỂU HỌC BẾ VĂN ĐÀN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2024

I. THÔNG TIN CHUNG²

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Bế Văn Đàn

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Tổ 1 – Phường Thanh Bình – Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên

Điện thoại:

Thư điện tử: thbevandan95@gmail.com

Trang thông tin điện tử: thbevandan.pgdtptdienbienphu.edu.vn

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu:

4.1. Sứ mạng: Xây dựng môi trường học tập thân thiện, nền nếp, kỷ cương, chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực, phẩm chất, khả năng sáng tạo của bản thân, biết ứng xử văn hóa, giao tiếp văn minh lịch sự và thích ứng với sự phát triển của xã hội để trở thành những công dân tốt.

4.2. Tầm nhìn: Xây dựng nhà trường có uy tín, chất lượng; là trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương; Là nơi cha mẹ học sinh luôn tin tưởng lựa chọn để con em mình học tập, rèn luyện; Là nơi đào tạo học sinh thành những con người sống có trách nhiệm, lòng nhân ái, hòa nhập tốt trong cộng đồng và luôn có khát vọng vươn lên phát huy truyền thống hiếu học; Là nơi giáo viên luôn năng động sáng tạo và vươn tới thành công với khát vọng được cống hiến.

4.3. Giá trị cốt lõi của nhà trường:

- Đoàn kết - Trách nhiệm;
- Trung thực - Sáng tạo;
- Kỷ luật - Hợp tác - Chia sẻ;
- Công bằng - Khách quan;
- Tập trung vào kết quả và con người.

4.4. Mục tiêu: Xây dựng trường tiểu học Bế Văn Đàn trở thành trường học hạnh phúc với các tiêu chí Yêu thương – An toàn – Tôn trọng

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Trường Tiểu học Bế Văn Đàn, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên được thành lập theo Quyết định số 275/QĐ-UB-TC ngày 07/6/1995 của UBND tỉnh Lai Châu. Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II năm 2017.

Từ khi thành lập đến nay nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Thành phố Điện Biên Phủ, của Phòng Giáo dục và Đào tạo và UBND phường Thanh Bình, cùng với sự nỗ lực của tập thể sư phạm nhà trường, trong những năm qua nhà trường đã khẳng định được vị thế của mình trong phong trào giáo dục và

đào tạo chung trên địa bàn thành phố, cũng như toàn tỉnh luôn là địa chỉ tin cậy về chất lượng giáo dục toàn diện.

Cơ sở vật chất nhà trường khang trang, đầy đủ tiện nghi, hàng năm được đầu tư nâng cấp hiện đại đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng.

Kết quả chất lượng tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn 95% trở lên; Tỷ lệ giáo viên giỏi các cấp đạt 100% trong đó cấp thành phố 29,3%; cấp Tỉnh 14,6%. Hàng năm CBGV 98% trở lên đạt LĐTT, 15% -20% đạt CSTĐ và được các cấp tặng bằng khen và giấy khen.

Hàng năm 100% đảng viên trong chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ trong đó 15%-20% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được đảng ủy phường Thanh Bình tặng Giấy khen. Năm học 2024-2025 chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ. Nhiều năm liên nhà trường được UBND tỉnh Điện Biên công nhận Tập thể LĐXS, tặng thưởng Bằng khen của UBND Tỉnh. Năm 2012, nhà trường được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Bà Đinh Thị Thanh Nhân Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường tiểu học Bế Văn Đàn - Tổ 1 – Phường Thanh Bình – Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên

Số điện thoại: 0916971368; Địa chỉ thư điện tử: nhancmth@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập trường số Quyết định số 275/QĐ-UB-TC ngày 07/6/1995 của UBND tỉnh Lai Châu.

b) Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2024 của UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc kiện toàn Hội đồng trường các trường tiểu học thành phố Điện Biên Phủ nhiệm kỳ 2023 – 2028;

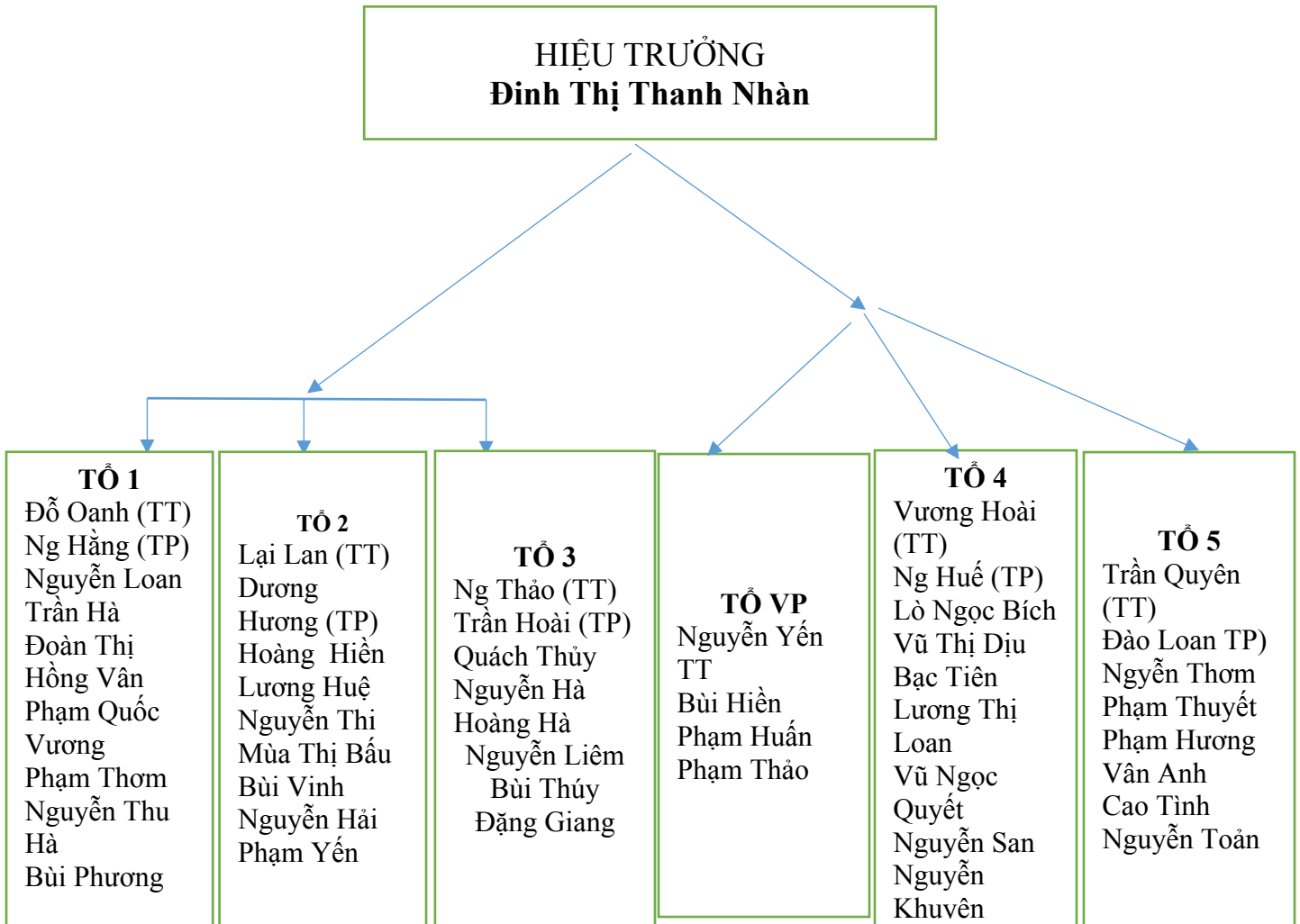
STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Đinh Thị Thanh Nhân	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	Nguyễn Thị San	Giáo viên	P.chủ tịch HĐ
3	Nguyễn Thị Việt Hà	PCT UBND phường	P.chủ tịch HĐ
4	Trần Thị Thanh Hà	Giáo viên	Thư kí
5	Lương Thị Loan	Chủ tịch Công đoàn	Thành viên
6	Nguyễn Thị Thảo	Tổ trưởng CM khối 3	Thành viên
7	Vương Thị Hoài	Tổ trưởng CM khối 4	Thành viên
8	Trần Lệ Quyên	Tổ trưởng CM khối 5	Thành viên

9	Nguyễn Hải Yến	Tổ trưởng Tổ văn phòng	Thành viên
10	Phạm Thị Yến	Bí thư đoàn thanh niên	Thành viên
11	Nguyễn Thị Phương	Trưởng ban ĐDCMHS	Thành viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm của Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

Quyết định điều động số 1005/QĐ-UBND, ngày 07/06/2024 của UBND thành phố Điện Biên Phủ, Quyết định về việc điều động, bổ nhiệm viên chức quản lý. Điều động đồng chí Đinh Thị Thanh Nhân về làm Hiệu trưởng trường TH Bế Văn Đàn kể từ ngày 15/6/2024.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động



đ) Lãnh đạo cơ sở giáo dục:

(1). Bà Đinh Thị Thanh Nhân - Chức vụ: Hiệu trưởng; Điện thoại: 0916971368;
Thư điện tử: nhancmth@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Trường tiểu học Bé Văn Đàn - Tổ 1 – Phường Thanh Bình
– Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên

* Nhiệm vụ:

- Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

- Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó;

- Phân công, quản lý, đánh giá, xếp loại; khen thưởng, thi hành kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên theo quy định;

- Quản lý hành chính; quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường; Chủ tài khoản.

- Quản lý học sinh và tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường quyết định khen thưởng, kỷ luật,

- Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy 2 tiết/tuần

- Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở và tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị - xã hội trong nhà trường hoạt động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục;

- Thực hiện xã hội hóa giáo dục, phối hợp tổ chức, huy động các lực lượng xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng.

- Chủ trì soạn thảo các quy chế, nội quy, quy định của nhà trường. Chỉ đạo công tác kiểm tra nội bộ trường học. Công tác bí mật nhà nước.

- Trực tiếp tiếp công dân.

- Trực tiếp chỉ đạo tổ chuyên môn khối 4,5. Tổ chức kiểm tra xác nhận việc hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh trong nhà trường.

- Phụ trách Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên.

- Phụ trách về phong trào và các cuộc thi của CBGVNV, HS.

- Chỉ đạo công tác truyền thông, Phụ trách trang Website của nhà trường; Duyệt tin bài của các tổ. Quản lý và đăng nội dung tin trên Facebook nhà trường.

(2). Bà Trần Thị Hương - Chức vụ: Phó Hiệu trưởng; Điện thoại: 0915748250;
Thư điện tử: tranthihuongmoi@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Trường tiểu học Bé Văn Đàn - Tổ 1 – Phường Thanh Bình
– Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên

* Nhiệm vụ:

- Chỉ đạo chuyên môn chung của trường, chỉ đạo tổ chuyên môn khối 1,2,3; Tổ văn phòng.

- Phụ trách bán trú, công đoàn.
- Phụ trách lao động, vệ sinh, CSVN, thư viện thiết bị, công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn trường học, phổ cập, thống kê, công nghệ thông tin, công tác khuyến học, chữ thập đỏ.
- Chịu trách nhiệm về công tác kiểm định chất lượng giáo dục, đánh giá ngoài, hồ sơ thi đua của nhà trường.
- Chịu trách nhiệm về hồ sơ công tác kiểm tra nội bộ trường học.
- Giúp HT phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại, danh sách học sinh lên lớp, ở lại lớp khối 1,2,3.
- Chịu trách nhiệm điều hành công việc do hiệu trưởng phân công.
- Điều hành hoạt động của nhà trường khi được hiệu trưởng ủy quyền.
- Kí duyệt các báo cáo, kí duyệt hồ sơ kế hoạch tổ trưởng chuyên môn, của giáo viên khi kiểm tra trong phạm vi khối do mình trực tiếp phụ trách.
- Tham mưu và báo cáo cho hiệu trưởng về các nội dung được phân công.
- Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy 4 tiết/ tuần.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển giáo dục; quy chế dân chủ; các nghị quyết của Hội đồng trường,...

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

[illegible]

III	Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung	3		2	0	1					
1	Thư viện	1		1	0	0					
2	Quản trị công sở	0									
3	Văn thư	1		0	0	1					
4	Thủ quỹ	0		0	0	0					
5	Kế toán	1		1	0	0					
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	2									
1	Y tế học đường	0									
2	Nhân viên Bảo vệ	2		0	0	0					2 đ.c chưa qua ĐT
3	Nhân viên Phục vụ	0									
	Cộng (I+II=III+IV)	49		43	3	1					2 đ.c chưa qua ĐT

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	27/27	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	25	-
2	Phòng học bán kiên cố	2	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhò, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ	0	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	5185	5,24 m ² / HS
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2300	2,32 m ² / HS
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1327	1,34 m ² / HS
2	Diện tích thư viện (m ²)	36	0,04 m ² / HS
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	36	0,04 m ² /HS
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	36	0,04 m ² /HS
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	36	0,04 m ² / HS
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	36	0,04 m ² / HS
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	18	0,02 m ² / HS
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	18	2,25 m ² / HS
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	18	0,02 m ² / HS
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	26	Số bộ/lớp

1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	26	
1.1	Khối lớp 1	5	1 bộ / lớp
1.2	Khối lớp 2	5	1 bộ / lớp
1.3	Khối lớp 3	5	1 bộ / lớp
1.4	Khối lớp 4	5	1 bộ / lớp
1.5	Khối lớp 5	6	1 bộ / lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	19	2 HS/ 1bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	1	
2	Cát xét	11	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	30	1 máy /1 lớp
5	Máy phô tô	2	
6	Tăng âm	2	
7	Máy tính		
8	Máy chiếu vật thể	9	1 máy / 3 lớp

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	175
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)		Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ	
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	26 phòng = 1327m ²		823	1,6m ²	
XIII	Khu nội trú					
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		2		0,12 m ² /HS
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục:

Mức 1: 27/27 (100%) Tiêu chí đạt Mức 1;

Mức 2: 27/27 (100%) Tiêu chí đạt Mức 2;

Mức 3: 19/19 (100%) Tiêu chí đạt Mức 3.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4: 3/5 Tiêu chí đạt mức 4 (tỷ lệ 60%).

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia:

Nhà trường được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 theo Quyết định số 350/QĐ-SGDĐT, ngày 17/06/2022 của Sở giáo dục tỉnh Điện Biên và đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 theo quyết định số 1067/QĐ-UBND, ngày 21/06/2022 của UBND tỉnh Điện Biên.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

1. Số lượng học sinh:

Khối	TSHS	Nữ	Dân tộc	Nữ DT	K.Tật	Mồ côi	Hộ nghèo	HS hưởng CĐCS	HS BT
1	163	87	22	13	4	0	1	11	147
2	191	77	36	13	0	4	0	9	164
3	196	85	23	7	2	5	0	9	155
4	202	102	32	22	1	4	0	6	172
5	210	105	34	18	1	0	0	13	174
Tổng	962	456	147	73	8	13	1	51	812

b) Kết quả đánh giá học sinh

	Tổng số	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
<i>1. Kết quả học tập</i>						
<i>1. Tiếng Việt</i>	958	160	191	195	202	210
Hoàn thành tốt	740	137	139	170	127	167
Hoàn thành	208	23	49	25	73	38
Chưa hoàn thành	10		3		2	5
<i>2. Toán</i>	958	160	191	195	202	210
Hoàn thành tốt	682	144	132	138	127	141
Hoàn thành	263	16	59	57	71	60
Chưa hoàn thành	13				4	9
<i>3. Đạo đức</i>	958	160	191	195	202	210
Hoàn thành tốt	836	140	175	178	163	180
Hoàn thành	122	20	16	17	39	30
Chưa hoàn thành						
<i>4. Tự nhiên và Xã hội</i>	546	160	191	195		
Hoàn thành tốt	477	133	169	175		
Hoàn thành	69	27	22	20		
Chưa hoàn thành						
<i>5. Khoa học</i>	412				202	210
Hoàn thành tốt	281				138	143
Hoàn thành	122				62	60
Chưa hoàn thành	9				2	7
<i>6. LS&ĐL</i>	412				202	210
Hoàn thành tốt	279				124	155
Hoàn thành	116				67	49
Chưa hoàn thành	17				11	6
<i>7. Nghệ thuật (Âm nhạc)</i>	958	160	191	195	202	210
Hoàn thành tốt	783	136	162	156	161	168
Hoàn thành	175	24	29	39	41	42
Chưa hoàn thành						
<i>8. Nghệ thuật (Mỹ thuật)</i>	958	160	191	195	202	210
Hoàn thành tốt	790	133	159	172	159	167
Hoàn thành	168	27	32	23	43	43
Chưa hoàn thành						
<i>9. Hoạt động trải nghiệm</i>	958	160	191	195	202	210
Hoàn thành tốt	800	135	166	163	166	170
Hoàn thành	158	25	25	32	36	40
Chưa hoàn thành						
<i>10. Giáo dục thể chất</i>	958	160	191	195	202	210
Hoàn thành tốt	804	135	171	170	164	164
Hoàn thành	154	25	20	25	38	46

Chưa hoàn thành						
11. TH-CN (Công nghệ)	607			195	202	210
Hoàn thành tốt	516			148	193	175
Hoàn thành	81			43	8	30
Chưa hoàn thành	10			4	1	5
12. TH-CN (Tin học)	607			195	202	210
Hoàn thành tốt	495			164	145	186
Hoàn thành	112			31	57	24
Chưa hoàn thành						
13. Ngoại ngữ	958	160	191	195	202	210
Hoàn thành tốt	750	136	160	150	151	153
Hoàn thành	200	24	31	43	51	51
Chưa hoàn thành	8			2		6
II. Năng lực cốt lõi						
Năng lực chung						
Tự chủ và tự học	958	160	191	195	202	210
Tốt	779	138	162	164	152	163
Đạt	176	22	29	31	50	44
Cần cố gắng	3					3
Giao tiếp và hợp tác	958	160	191	195	202	210
Tốt	802	138	165	166	162	171
Đạt	154	22	26	29	40	37
Cần cố gắng	2					2
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	958	160	191	195	202	210
Tốt	762	136	162	166	147	151
Đạt	193	24	29	29	55	56
Cần cố gắng	3					3
Năng lực đặc thù						
Ngôn ngữ	958	160	191	195	202	210
Tốt	813	140	164	176	166	167
Đạt	142	20	27	19	36	40
Cần cố gắng	3					3
Tính toán	958	160	191	195	202	210
Tốt	752	137	161	171	149	134
Đạt	198	23	30	24	53	68
Cần cố gắng	8					8
Tin học	607			195	202	210
Tốt	529			171	175	183
Đạt	78			24	27	27
Cần cố gắng						
Công nghệ	607			195	202	210

Tốt	530			169	189	172
Đạt	73			26	13	34
Cần cố gắng	4					4
Khoa học	958	160	191	195	202	210
Tốt	787	137	163	172	171	144
Đạt	166	23	28	23	31	61
Cần cố gắng	5					5
Thẩm mĩ	958	160	191	195	202	210
Tốt	802	137	165	164	166	170
Đạt	156	23	26	31	36	40
Cần cố gắng						
Thể chất	958	160	191	195	202	210
Tốt	826	138	174	173	174	167
Đạt	132	22	17	22	28	43
Cần cố gắng						
III. Phẩm chất chủ yếu						
Yêu nước	958	160	191	195	202	210
Tốt	958	160	191	195	202	210
Đạt						
Cần cố gắng						
Nhân ái	958	160	191	195	202	210
Tốt	946	158	191	195	193	209
Đạt	12	2			9	1
Cần cố gắng						
Chăm chỉ	958	160	191	195	202	210
Tốt	806	139	166	172	156	173
Đạt	152	21	25	23	46	37
Cần cố gắng						
Trung thực	958	160	191	195	202	210
Tốt	899	151	176	184	189	199
Đạt	59	9	15	11	13	11
Cần cố gắng						
Trách nhiệm	958	160	191	195	202	210
Tốt	839	139	174	181	165	180
Đạt	119	21	17	14	37	30
Cần cố gắng						

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

Số TT	Chỉ tiêu	Năm báo cáo	Năm liền kề trước năm báo cáo
I	Tổng số thu	13.541.238.000	9.074.176.000
1	Nguồn ngân sách cấp	12.706.188.000	8.195.000.000
1.1	Nguồn chi thường xuyên	11.918.036.850	532.000.000
1.2	Nguồn chi không thường xuyên	788.151.150	296.250.000
	Trong đó: - Mua sắm trang thiết bị dạy và học	699.433.000	225.650.000
	- Chi sửa chữa nhỏ	247.000.000	
	- Hỗ trợ chi phí học tập	88.718.150	70.600.000
	- Chi lương	10.825.535.401	7.366.750.000
2	Nguồn thu khác	835.050.000	879.176.000
	Dịch vụ dọn vệ sinh	41.760.000	41.760.000
	Tiếng Anh tự chọn cho học sinh Lớp 1,2	374.730.000	427.410.000
	Hỗ trợ các hoạt động giáo dục; cải tạo sửa chữa các hạng mục phục vụ hoạt động giáo dục	418.560.000	410.006.000
II	Tổng số chi	12.706.188.000	8.195.000.000
1.1	Nguồn chi thường xuyên	11.922.425.000	7.898.750.000
	Tiền lương và các khoản theo lương	10.825.535.401	7.366.750.000
	Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng	1.096.889.599	532.000.000
	Chi hoạt động giáo dục		
1.2	Nguồn chi không thường xuyên	783.763.000	296.250.000
	Trong đó: - Mua sắm trang thiết bị dạy và học	699.433.000	225.650.000
	- Hỗ trợ chi phí học tập	84.330.000	70.600.000
	- Truy lĩnh lương chức danh nghề nghiệp		
1.3	Nguồn chi khác	420.570.700	493.427.800

	Dịch vụ dọn vệ sinh	41.760.000	83.421.800
	Tiếng Anh tự chọn cho học sinh Lớp 1,2	374.730.000	374.730.000
	Hỗ trợ các hoạt động giáo dục; cải tạo sửa chữa các hạng mục phục vụ hoạt động giáo dục	378.810.700	410.006.000

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

1. Phát huy hiệu quả, tiếp tục thực hiện nội dung các cuộc vận động và phong trào thi đua

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ việc tổ chức học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo phương châm “trên trước, dưới sau”, “trong trước, ngoài sau”, “học đi đôi với làm theo”. Tính gương mẫu, nêu gương của người đứng đầu cơ quan, đồng thời lấy kết quả học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là một trong những tiêu chuẩn đánh giá, bình xét, phân loại cán bộ, công chức, viên chức hàng tháng. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong nhà trường.

Đưa việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành, với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị trong nhà trường.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phát hiện, biểu dương, nhân rộng gương điển hình tiên tiến về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; khắc phục, ngăn ngừa bệnh hình thức, thành tích, nói không đi đôi với làm, thiếu trung thực trong thực hiện Chỉ thị.

Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo, hướng dẫn của phòng giáo dục, sở giáo dục, đồng thời phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, linh hoạt của cán bộ, giáo viên nhân viên trong việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Đưa nội dung học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh lồng ghép vào các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Phong trào xây dựng “sân trường thân thiện”, trường học an toàn gắn với xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia được nhà trường xây dựng kế hoạch và thực hiện tốt.

Hàng tuần nhà trường tổ chức giáo dục các giá trị văn hóa, lịch sử dân tộc, truyền thống cách mạng, kỹ năng sống... cho học sinh. Các nội dung trên được lồng ghép vào các hoạt động, các môn học trong chương trình nhằm khơi dậy truyền thống cách mạng, yêu quê hương đất nước, rèn luyện kỹ năng sống... cho học sinh.

1. Tổ chức thực hiện chương trình và kế hoạch giáo dục

1.1 Chương trình dạy học 2 buổi/ngày; chương trình dạy học nhà trường

- Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại Văn bản số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021, văn bản số 3969/BGDĐT-GDTH ngày 10/9/2021. Kế hoạch giáo dục nhà trường bảo đảm thực hiện chương trình một cách linh hoạt, chủ động, hiệu quả, phù hợp với hoàn cảnh thực tế của địa phương, điều kiện thực hiện nhà trường, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học.

- Xây dựng kế hoạch và thực hiện lồng ghép kỹ năng sống, quốc phòng an ninh, an toàn giao thông, phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu, đẩy mạnh phát triển toàn diện Giáo dục và Đào tạo gắn với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, kỹ năng công dân số, giáo dục lý tưởng đạo đức lối sống, tình hữu nghị Việt Lào... trong các môn học và hoạt động giáo dục.

- Xây dựng kế hoạch sinh hoạt dưới cờ và kế hoạch hoạt động trải nghiệm cho HS lớp 1,2,3,4,5 kết hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

- 100% giáo viên các lớp thực hiện giải pháp dạy "Tập làm văn" theo hướng mở, dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt. Tăng cường nội dung đọc hiểu văn bản, mở rộng vốn từ, xây dựng cây từ vựng tiếng Việt, dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc gắn với giao tiếp. Học sinh thực hiện làm sổ tay từ vựng tiếng Việt để tăng cường vốn từ cho các em; tổ chức các hình thức để tăng cường tiếng Việt như tổ chức các trò chơi, tham gia thi Trạng Nguyên Tiếng Việt,...

- Tổ chức tốt tiết đọc sách tại thư viện theo 4 hình thức.

- Thành lập các câu lạc bộ: Thể thao và nghệ thuật dành cho những học sinh yêu thích thể thao và nghệ thuật. Câu lạc bộ hoạt động ngoài giờ học do giáo viên Tổng phụ trách đội, giáo viên âm nhạc, mỹ thuật, thể dục tổ chức cho học sinh hoạt động.

- Giáo viên hoàn thành xây dựng lộ trình đánh giá các môn học.

- Tổ chức tốt sinh hoạt tổ chuyên môn theo nghiên cứu bài học : Các tổ đã thực hiện nghiêm túc, linh hoạt, sáng tạo các tiết dạy minh họa.

- Tạo cơ hội cho giáo viên biết chia sẻ, hợp tác chặt chẽ và thống nhất với nhau để hoàn thành các nhiệm vụ trong quá trình thực hiện chương trình.

- Đối với giáo viên: Đã chủ động xây dựng chương trình dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh trên khung của chương trình của Bộ và điều kiện thực tế của trường, lớp, chủ động linh hoạt sáng tạo trong phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục và thiết kế các hoạt động theo sự hứng thú cho HS làm cho tiết dạy sinh động, hiệu quả. Giáo viên biết tận dụng tài nguyên giáo dục trên Internet làm phong phú hoạt động học và vận dụng phù hợp với đặc điểm học sinh của nhóm,

lớp mình phụ trách. Tạo điều kiện cho học sinh hoàn thành nội dung bài học, đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng của chương trình đề ra.

- Đối với học sinh: HS đã dần tích cực chủ động tham gia vào các hoạt động học một cách có hiệu quả, chất lượng các tiết học ngày được nâng cao.

- Công tác phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng và bồi dưỡng học sinh năng khiếu được giáo viên phân loại ngay từ đầu năm học và tiến hành thực hiện đúng chương trình. Có kiểm tra đánh giá theo từng tháng để tiếp tục phân loại học sinh để điều chỉnh và có giải pháp cụ thể cho từng đối tượng học sinh.

1.2. Chương trình tiếng Anh bắt buộc ban hành kèm theo Quyết định 3321/QĐ-BGDĐT ngày 12/8/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương trình	Khối 3		Khối 4		Khối 5	
	Số lớp	Học sinh	Số lớp	Học sinh	Số lớp	Học sinh
Tiếng Anh 4 tiết/tuần	5	196	6	202	6	210

1.3. Dạy học các môn tự chọn

Chương trình	Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
	Số lớp	Học sinh	Số lớp	Học sinh	Số lớp	Học sinh
Tin học 2 tiết/tuần	5	196	6	202	6	210
Tiếng dân tộc						

1.4 Dạy tiếng Anh đối với lớp 1, 2

Chương trình	Lớp 1		Lớp 2		Tổng	
	Số lớp	Học sinh	Số lớp	Số lớp	Số lớp	Học sinh
Tự chọn 2 tiết/tuần	5	163	5	191	10	354

* **Ưu điểm:** Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học linh hoạt, phù hợp với thực tế và tổ chức triển khai thực hiện hoàn thành theo kế hoạch đề ra.

* **Hạn chế:**

Việc ứng dụng công nghệ dạy học hiện đại của một số giáo viên còn hạn chế.

1.5 Tổ chức dạy lồng ghép, tích hợp các nội dung giáo dục (ATGT, kỹ năng sống, Quốc phòng an ninh, Biển đảo,...)

Lập kế hoạch, chỉ đạo giáo viên xây dựng kế hoạch và thực hiện tốt việc dạy lồng ghép, tích hợp các nội dung giáo dục, đặc biệt là lồng ghép các nội dung Quốc phòng an ninh, biển đảo, ATGT, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, kỹ năng sống cho học sinh, công dân số, giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống, tình hữu nghị Việt – Lào.

1.6 Dạy học đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em lang thang cơ nhỡ và trẻ em khuyết tật: Trường có 08 học sinh khuyết tật: Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục học sinh khuyết tật, chỉ đạo các giáo viên chủ nhiệm xây dựng chương trình giáo dục riêng cho các em phù hợp với khả năng tiếp thu của học sinh trên cơ sở hòa nhập là chính. Nhà trường đã thực hiện chi trả chế độ cho giáo viên dạy học sinh khuyết tật.

Trong học kì I, nhà trường được đón đoàn công tác của Bộ Giáo dục về giáo dục hòa nhập.

2. Triển khai thực hiện các nội dung đổi mới

Triển khai Chương trình, SGK mới:

- Nhà trường có 27 lớp với 962 học sinh thực hiện theo chương trình Giáo dục PT 2018.

- Nhà trường làm tốt công tác truyền thông, tuyên truyền đến Phụ huynh học sinh trong việc thay sách giáo khoa lớp 5, được phụ huynh tin tưởng và ủng hộ.

- Chuẩn bị đầy đủ CSVC, SGK, TBDH cho thay sách lớp 5 mới.

- BGH, giáo viên trong nhà trường thực hiện tốt công tác tự học, tự bồi dưỡng và tìm hiểu về chương trình SGK lớp 5 nên khi thực hiện chương trình đã chủ động về hình thức tổ chức dạy học cũng như phương pháp giảng dạy.

- Tổ chức các chuyên đề, các tiết dạy thống nhất phương pháp. Trao đổi tháo gỡ vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- GV đã thực hiện dạy học Stem, lưu giữ được các sản phẩm STEM: Tổng 405 sp, trong đó Tổ 1: 38 sp; Tổ 2: 78 sản phẩm; Tổ 3: 112 sp; Tổ 4: 79 sp; Tổ 5: 98 sp. Tổ chức cho HS được trải nghiệm trình diễn robot.

Công tác bồi dưỡng CBQL, giáo viên theo CTGDPT 2018:

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch bồi dưỡng Thường xuyên và triển khai kịp thời, đầy đủ đến giáo viên; trên cơ sở đó, các giáo viên đã xây dựng được kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên của cá nhân phù hợp với điều kiện thực tiễn, bám sát kế hoạch của nhà trường;

- Luôn chỉ đạo sát sao thực hiện bồi dưỡng thường xuyên giáo viên theo Chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên TH.

- 100% cán bộ, giáo viên tự học và tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ UDCNTT.

- Thực hiện bồi dưỡng thường xuyên: 100% Giáo viên, cán bộ quản lý đã đăng kí modul bồi dưỡng thường xuyên trên hệ thống TEMIS; Tham gia khóa học trên TEMIS: Học thông qua chơi và Hướng dẫn trẻ em sử dụng Internet hiệu quả. Đã hoàn thành và tải lên hệ thống nội dung bồi dưỡng modul 6 (QL); modul 8 (GV); đã phê duyệt và báo cáo kết quả về SGD.

Nâng cao hiệu quả sinh hoạt chuyên môn và nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng:

- Việc tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại các tổ, khối trong trường và cụm trường được thực hiện nghiêm túc theo kế hoạch đã đề ra. Trong học kì I nhà trường đã tổ chức được 13 tiết dạy thống nhất phương pháp. Cụm chuyên môn tổ chức 2 lần sinh hoạt với 4 tiết dạy (1 tiết Tv, 1 tiết Toán, 1 tiết Khoa học, 1 tiết LS&ĐL). Tham gia dạy mẫu thành công 1 tiết Tiếng Việt lớp 5 cho chuyên đề cấp cụm.

Đổi mới đánh giá học sinh tiểu học:

- Thực hiện Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT nên đội ngũ giáo viên đã thực hiện tương đối tốt nội dung đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì đối với học sinh. Ra đề kiểm tra theo ma trận chuẩn kiến thức kỹ năng đảm bảo đủ số câu, đúng mạch kiến thức, đảm bảo mức độ.

- Nhà trường đã kiểm tra định kì hàng tháng và đột xuất nắm bắt chất lượng học sinh để tư vấn cho giáo viên thực hiện hiệu quả các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục.

Ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lí và dạy học:

- BGH nhà trường tham gia đầy đủ các lớp tập huấn do Sở, phòng giáo dục mở. Việc UDCNTT trong công tác quản lý, tổ chức hội nghị nâng cao chất lượng giảng dạy.

- Thường xuyên tự học và tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ UDCNTT trong công tác quản lý số giáo viên biết sử dụng máy tính 100%; Số giáo viên biết thiết kế bài giảng điện tử 41/41 tỷ lệ 100%;

- Có một phòng học tin với 19 máy hoạt động tốt và có kết nối Internet.

- Số máy tính ở các phòng làm việc là: 8 máy có kết nối Internet.

- Việc áp dụng UDCNTT được toàn thể cán bộ giáo viên đưa vào công tác giảng dạy hàng ngày một cách thường xuyên; 27/27 lớp có máy chiếu cố định và sử dụng hiệu quả; GV còn tích cực sử dụng máy chiếu vật thể trong các tiết học.

- Nhiều giáo viên đã tích cực ứng dụng công nghệ hiện đại vào giảng dạy : ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI để xây dựng các video dẫn dắt học sinh vào bài một cách tự nhiên tạo hứng thú cho HS, sử dụng công cụ chat GPT tự sáng tác các bài hát giúp HS hiểu và ghi nhớ kiến thức một cách dễ dàng ; từ công cụ hỗ trợ dạy học wordwall, quizi xây dựng các trò chơi, bài tập để HS củng cố kiến thức,...

- CBGVNV đã sử dụng hồ sơ điện tử, giáo án điện tử, học bạ điện tử.

- Nhà trường đã triển khai và thực hiện tốt đề án 06: Thường xuyên cập nhật thông tin cán bộ, giáo viên, học sinh; thông tin cá nhân xác thực với CSDLQGDC trên phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia ngành Giáo dục và Đào tạo. Triển khai thực hiện thanh toán theo phương thức không dùng tiền mặt. 100% phụ huynh có tài khoản ngân hàng và thực hiện thanh toán bằng thẻ, 100% học sinh được hưởng chế độ chính sách đã được nhận tiền chế độ thông qua hình thức chuyển khoản. 957/962 học sinh đã được cấp thẻ CCCD, còn 5 HS chưa được cấp thẻ CCCD.

3. Công tác truyền thông về giáo dục tiểu học,

Xây dựng và triển khai kế hoạch truyền thông giáo dục; thành lập Tổ biên tập và viết tin bài để giới thiệu, tuyên truyền về các hoạt động của nhà trường và những đổi mới trong giáo dục tới phụ huynh, học sinh.

CBGVNV và phụ huynh học sinh đã tích cực chia sẻ, tuyên truyền về các hoạt động của nhà trường, của ngành trên zalo, facebook, Website,... Các tổ chuyên môn đều có facebook của tổ để tuyên truyền về các hoạt động của tổ, của nhà trường, của ngành.

Chương trình giáo dục phổ thông mới được nhà trường thường xuyên cập nhật, tuyên truyền tới đội ngũ giáo viên, nhân viên, phụ huynh, học sinh và thường xuyên báo cáo với UBND phường để tranh thủ sự ủng hộ của UBND phường.

Nội dung truyền thông: Công tác chuẩn bị các điều kiện cho năm học mới, HS tựu trường, Lễ khai giảng, tuyên truyền về ATGT, Hội nghị CBVC, hiến máu nhân đạo, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt; chuyên môn dạy và học; chuyên đề cấp tổ, trường, cụm trường; các hoạt động chào mừng 20/10, 20/11, 22/12; các cuộc thi, giao lưu, các HĐTN,...

Hình thức truyền thông: Đăng tải các bài truyền thông kèm hình ảnh trên zalo, facebook, trên trang Website của nhà trường, gửi tin bài về Phòng giáo dục và Đào tạo...

Số tin bài truyền thông: 24 tin bài

Số lượt đoàn báo, đài đến làm việc tại trường: 4 lượt.

4. Thực hiện tốt công tác đảm bảo an toàn trường học, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe cho học sinh.

5. Thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ trường học, quy chế dân chủ trong nhà trường và công khai theo quy định.

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Đinh Thị Thanh Nhân

